

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2026/HS-ST

Ngày: 05-8- 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Thành; Ông Nguyễn Hải Hà;
Ông Nguyễn Thanh Nhã.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên– Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông
Phan Công Hậu– Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2026/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2026/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh ngày 07 tháng 9 năm 1983 tại tỉnh Vĩnh Long; số định danh cá nhân: 083083001300; nơi cư trú: ấp L, xã L, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Trần Văn T1, sinh năm: 1950 (đã chết) và bà Đỗ Thị Ổ, sinh năm: 1952; vợ: Trần Thùy N, sinh năm: 1991 (đã ly hôn); có 01 người con, sinh năm 2013; tiền án; tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 18/12/2025, tạm giam ngày 21/12/2025 cho đến nay; (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Nhật H- Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V. (có mặt)

- Người đại diện hợp pháp của bị hại Phạm Thị H1 (đã chết):

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1952; (cha của bị hại)

2. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm: 1957; (mẹ của bị hại)

Người đại diện theo ủy quyền của ông B, bà H2: Bà Phạm Thị N1, sinh năm: 1986; cùng nơi cư trú: ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long; (có mặt)

3. Võ Thành Đ, sinh năm: 2007; nơi cư trú: ấp B, xã T, tỉnh Vĩnh Long (con của bị hại); (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đỗ Thị Ô, sinh năm: 1952; nơi cư trú: ấp L, xã L, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)
2. Võ Thành N2, sinh năm: 2011; (con của bị hại) (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của Võ Thành N2: Ông Võ Văn T2, sinh năm: 1983; cùng nơi cư trú: ấp B, xã T, tỉnh Vĩnh Long; (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng*: Lê Duy T3, sinh năm: 1984; nơi cư trú: ấp L, xã G, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10 năm 2025, Trần Văn T và chị Phạm Thị H1 thuê nhà trọ tại phòng trọ số 11A, nhà T thuộc ấp L, xã G, tỉnh Vĩnh Long sống chung như vợ chồng. Hằng ngày, T đưa chị H1 đi làm ở công ty S ở khu công nghiệp G rồi về nhà ở ấp L, xã L, tỉnh Vĩnh Long làm nghề sửa xe, đến tối thì đến công ty đón chị H1 về phòng trọ nghỉ. Vào tối ngày 17/12/2025, sau khi T rước chị H1 đi làm về thì giữa T và chị H1 xảy ra cự cãi với nhau do T nghi ngờ chị H1 có quan hệ tình cảm với người khác, sau đó chị H1 ngủ còn T thì nằm bên cạnh. Đến khoảng 04 giờ 30 phút giờ ngày 18/12/2025, T và chị H1 tiếp tục cự cãi, chị H1 đòi chấm dứt quan hệ tình cảm với T, không cho T lên ở cùng chị H1 và hăm sẽ đổi nhà trọ không cho T biết nên T tức giận muốn giết chị H1. Lúc này, thấy chị H1 đang nằm ngửa trên nệm nên T leo lên ngồi trên bụng chị H1, dùng hai chân đè hai tay, rồi dùng hai tay bóp chặt cổ chị H1 cho đến chết. Sau khi phát hiện chị H1 đã chết, T thay áo cho chị H1 và lấy mền đắp kín lại. Sau đó, T khóa cửa phòng trọ lại rồi mang theo chìa khóa đến Công an xã G, tỉnh Vĩnh Long tự thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ gồm: T4 trong quá trình khám nghiệm hiện trường: Hai chiếc dép màu trắng nâu, kích thước mỗi chiếc 24cm x 10cm, trên dép có chữ “babala”. Một điện thoại di động màu đen, hiệu S1, có ốp lưng màu đen. Một ví da loại ví nam, màu nâu, kích thước 25cm x 10cm, có chữ “H2LEATHER 100%”. Một căn cước công dân số 083083001300, mang tên Trần Văn T. Một căn cước công dân số 08318418842, mang tên Phạm Thị H1. Một Giấy phép lái xe số 830116006485, mang tên Trần Văn T. Một Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 037672 mang tên Trần Văn T. Một thẻ ATM của ngân hàng V, chủ thẻ Phạm Thị H1. Tiền Việt Nam: 4.064.000 đồng. Một áo thun màu xanh, loại áo thun ba lỗ. Một đầm nữ, loại 02 dây màu đỏ hồng, có hoa văn màu xanh vàng. Một quần màu đỏ, có họa tiết trắng. Do Trần Văn T giao nộp: Một xe mô tô hiệu Honda loại Future màu đỏ, biển số 71C1-499.10, số máy:JC76E-1070356; số khung: RLHJ7630KY048804, xe đã qua sử dụng; Một điện thoại di động hiệu S1 J7 Pro màu đen, số S: R58J7011YKV có gắn 01 sim mạng Viettel, số thuê bao

0988543170; Một mũ bảo hiểm màu đỏ có chữ Head Huỳnh T5 ở hai bên, phía trước có chữ H-T Huỳnh Thành B1 đồng hành tin cậy; Một cái áo thun màu xám; Một quần Kaki màu đen; Hai chìa khóa cửa; 01 đĩa DVD-R16X hiệu RISHENG trích xuất từ Camera tại nhà trọ D.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 400/KLGĐTT-KTHS-KV2 ngày 14 tháng 03 năm 2026 của Phòng K Công an tỉnh V đối với nguyên nhân chết của Phạm Thị H1:

1. Các kết quả chính: Kết quả khám nghiệm: Xuất huyết kết mạc và niêm mạc hai mắt; Tím tái, xuất huyết dạng chấm vùng mặt; Diện hằn, sây sát da, bầm tụ máu vùng cổ, kích thước 10cm x 05cm; Tím tái hai lòng bàn tay và lòng bàn chân; Giập, xuất huyết tổ chức dưới da, cơ vùng cổ và thanh khí quản; Giập, xuất huyết hai động mạch cảnh; Phù hai phổi; xuất huyết dạng chấm bề mặt hai phổi; diện cắt hai phổi có nhiều dịch bọt màu hồng; Xuất huyết dạng chấm bề mặt ngoài tim.

- Kết quả xét nghiệm, giám định khác: Mô bệnh học: Trầy da kèm tổn thương da dạng bị ép; Tụ máu mới dưới da; Tụ máu mới mô kẽ quanh và trong cơ; Tụ máu mới quanh động mạch; Phù phổi cấp; Các tạng sung huyết; Độc chất: không tìm thấy các chất độc thường gặp.

2. Kết luận: Nạn nhân Phạm Thị H1 chết do chẹn cổ.

Tại Bản cáo trạng số: 36/CT-VKSVL-P1 ngày 22/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận hành vi phù hợp với nội dung bản Cáo trạng và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: xuất phát từ mâu thuẫn không đáng kể do ghen tuông vô cớ nhưng bị cáo Trần Văn T đã dùng hai tay bóp cổ bị hại Phạm Thị H1, hậu quả làm bị hại H1 tử vong. Vì vậy, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Văn T phạm tội “Giết người”. Bị cáo đã đến cơ quan có thẩm quyền tự thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình bị hại số tiền 10.000.000 đồng, cha của bị cáo là người có công với cách mạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 13 (mười ba) năm tù đến 15 (mười lăm) năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn T bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 263.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng, tiếp tục tạm giữ một xe mô tô hiệu Honda loại Future màu đỏ và một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro màu đen đã thu giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của Trần Văn T; tịch thu tiêu hủy 01 ví da loại ví nam, màu nâu, kích thước 25cm x 10cm, có chữ “H2LEATHER 100%” hiện

không còn giá trị sử dụng, không rõ chủ sở hữu; các đồ vật đã thu giữ còn lại bị không còn giá trị sử dụng, bị cáo có yêu cầu nhận lại nên trả lại cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất tội danh “Giết người” mà cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: tự thú, khai báo thành khẩn, tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho người đại diện hợp pháp của bị hại, cha bị cáo là người có công với đất nước. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liên kế tạo điều kiện để bị cáo sớm về lo cho gia đình, hoà nhập cộng đồng.

Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Phạm Thị N1: Về phần trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật. Về phần trách nhiệm dân sự, đề nghị bị cáo Trần Văn T bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 263.000.000 đồng gồm: tiền mai táng phí: 67.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần 100.000.000 đồng và tiền cấp dưỡng cho cha, mẹ bị hại 96.000.000 đồng.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình, đồng thời xin lỗi gia đình bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh V , Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa; bị cáo; người bào chữa cho bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại là Võ Thành Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thành N2, người đại diện theo pháp luật của Võ Thành N2 là ông Võ Văn T2 có yêu cầu xét xử vắng mặt và đã có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, lời trình bày của bị cáo phù hợp với các kết luận giám định, vật chứng được thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Xuất phát từ mâu thuẫn ghen tuông vô cớ, vào khoảng 4 giờ 30 phút

ngày 18/12/2025 tại phòng trọ số 11A, nhà T thuộc ấp L, xã G, tỉnh Vĩnh Long, Trần Văn T đã có hành vi dùng hai tay bóp cổ chị Phạm Thị H1 dẫn đến chị H1 chết do chẹn cổ. Vì vậy, cáo trạng đã truy tố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Giết người” với tiết định khung tăng nặng “có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cho thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: có nhân thân tốt, đã tự nguyện đến cơ quan có thẩm quyền tự thú, thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình bị hại, gia đình bị cáo là gia đình chính sách có công với đất nước, cha của bị cáo đã có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến được hưởng chế độ theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Mặc dù bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, song khi thực hiện hành vi phạm tội thể hiện rõ bản tính hung hăng côn đồ, xem thường tính mạng của người khác, tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, đã gây thiệt hại đến tính mạng của bị hại Phạm Thị H1, gây mất mát đau thương vô hạn cho gia đình của nạn nhân không gì bù đắp được nên cần cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội trong khoảng thời gian dài mới có đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

L luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên về tội danh, điều khoản áp dụng, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là có căn cứ nên được chấp nhận. Tuy nhiên, mức án mà Kiểm sát viên đề nghị là chưa tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và hậu quả mà bị cáo gây ra nên Hội đồng xét xử tăng nặng mức án cao hơn. Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo về tội danh, định khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có căn cứ nên được chấp nhận. Tuy nhiên, đề nghị xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là chưa thỏa đáng nên không được chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo Trần Văn T bồi thường cho ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H2 số tiền 263.000.000 đồng gồm chi phí mai táng số tiền 67.000.000 đồng, bù đắp tổn thất về mặt tinh thần do tính mạng bị xâm phạm với số tiền 100.000.000 đồng, cấp dưỡng cho ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H2 là cha mẹ của bị hại số tiền 96.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường nên ghi nhận. Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 500.000 đồng nên được trừ vào tổng số tiền mà bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường, buộc bị cáo bồi thường tiếp cho ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H2 số tiền 262.500.000 đồng. Trong giai đoạn truy tố, bị cáo đã tác động gia đình nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long số tiền

10.000.000 đồng nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án cho bị cáo. Con của bị hại là Võ Thành N2 và Võ Thành Đ không có yêu cầu bị cáo bồi thường.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ tang vật, đồ vật và tài sản có liên quan đến vụ án bao gồm: Thu trong quá trình khám nghiệm hiện trường: Hai chiếc dép màu trắng nâu, kích thước mỗi chiếc 24cm x 10cm, trên dép có chữ “babala”. Một điện thoại di động màu đen, hiệu S1, có ốp lưng màu đen. Một ví da loại ví nam, màu nâu, kích thước 25cm x 10cm, có chữ “H2LEATHER 100%”. Một căn cước công dân số 083083001300, mang tên Trần Văn T. Một căn cước công dân số 08318418842, mang tên Phạm Thị H1. Một Giấy phép lái xe số 830116006485, mang tên Trần Văn T. Một Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 037672 mang tên Trần Văn T. Một thẻ ATM của ngân hàng V, chủ thẻ Phạm Thị H1. Tiền Việt Nam: 4.064.000 đồng. Một áo thun màu xanh, loại áo thun ba lỗ. Một đầm nữ, loại 02 dây màu đỏ hồng, có hoa văn màu xanh vàng. Một quần màu đỏ, có họa tiết trắng. Do Trần Văn T giao nộp: Một xe mô tô hiệu Honda loại Future màu đỏ, biển số 71C1-499.10, số máy:JC76E-1070356; số khung: RLHJ7630KY048804, xe đã qua sử dụng; Một điện thoại di động hiệu S1 J7 Pro màu đen, số S: R58J7011YKV có gắn 01 sim mạng Viettel, số thuê bao 0988543170; 01 đĩa DVD-R16X hiệu RISHENG trích xuất từ Camera tại nhà trọ D. Đối với số tiền 4.064.000 đồng (trong đó bao gồm 500.000 đồng là tiền của bị cáo, bị cáo đồng ý bồi thường cho gia đình bị hại và 3.564.000 đồng là tiền của bị hại H1); 01 thẻ ATM, một căn cước công dân mang tên Phạm Thị H1, 01 điện thoại di động hiệu Samsung; 01 áo đầm nữ, 01 quần màu đỏ, 02 chiếc dép đã trả lại cho gia đình bị hại do chị Phạm Thị N1 nhận thay theo Quyết định xử lý vật chứng số B1946/QĐ-CSHS ngày 20/3/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V. Đối với 01 căn cước công dân số 083083001300, mang tên Trần Văn T, 01 Giấy phép lái xe số 830116006485, mang tên Trần Văn T là giấy tờ tùy thân của Trần Văn T nên trả lại cho Trần Văn T. Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda loại Future màu đỏ, biển số 71C1-499.10, số máy: JC76E-1070356; số khung: RLHJ7630KY048804, xe đã qua sử dụng; 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 037672 mang tên Trần Văn T; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro màu đen, số S: R58J7011YKV có gắn 01 sim mạng Viettel, số thuê bao 0988543170; là tài sản của Trần Văn T nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Đối với 01 mũ bảo hiểm màu đỏ có chữ Head Huỳnh T5 ở hai bên, phía trước có chữ H-T Huỳnh Thành B1 đồng hành tin cậy; 01 cái áo thun màu xám; 01 quần Kaki màu đen; 02 chìa khóa cửa là tài sản của Trần Văn T, không có giá trị sử dụng, có yêu cầu nhận lại nên trả lại cho Trần Văn T. Đối với 01 đĩa DVD-R16X hiệu RISHENG trích xuất từ Camera tại nhà T lưu theo hồ sơ vụ án. Đối với 01 ví da loại ví nam, màu nâu, kích thước 25cm x 10cm, có chữ “H2LEATHER 100%” hiện không còn giá trị sử dụng, không rõ chủ sở hữu nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Trần Văn T phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Giết người”.

1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 16 (mười sáu) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/12/2025.

2. Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 591 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Trần Văn T bồi thường tiếp cho ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H2 số tiền 262.500.000 đồng (hai trăm sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) theo biên lai thu số 0001214 ngày 21/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của Trần Văn T.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

3.1 Trả cho bị cáo Trần Văn T: 01 (một) căn cước công dân số 083083001300, mang tên Trần Văn T, 01 (một) Giấy phép lái xe số 830116006485, mang tên Trần Văn T; 01 (một) mũ bảo hiểm màu đỏ có chữ Head Huỳnh T5 ở hai bên, phía trước có chữ H-T Huỳnh Thành B1 đồng hành tin cậy; 01 (một) áo thun, màu xanh, loại áo thun ba lỗ; 01 (một) áo thun, màu xám; 01 (một) quần loại Kaki màu đen; 02 (hai) chìa khóa cửa.

3.2 Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo Trần Văn T: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda loại Future màu đỏ, biển số 71C1-499.10, số máy: JC76E-1070356; số khung: RLHJ7630KY048804, xe đã qua sử dụng; 01 (một) Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 037672 mang tên Trần Văn T; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro màu đen, số S: R58J7011YKV có gắn 01 sim mạng Viettel, số thuê bao 0988543170.

3.3 Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) Ví da nam, màu nâu, kích thước 25cm x 10cm, có chữ “H2LEATHER 100%”.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/5/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V và Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long).

4. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 13.125.000 (mười ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người đại diện hợp pháp của bị hại là Võ Thành Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thành N2, người đại diện theo pháp luật của Võ Thành N2 là ông Võ Văn T2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm VKS nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (1b);
- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKS nhân dân tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Vĩnh Long(1b);
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long(1b);
- UBND xã Lộc Thuận, tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Bị cáo (1b);
- Đại diện hợp pháp của bị hại (1b);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (1b)
- Trại tạm giam số 02 CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn phòng TAND tỉnh Vĩnh Long (6b).
- Lưu Hồ sơ vụ án (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Quang Sơn